| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>**THÀNH PHỐ BNỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc L2 - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 148/2018/HS-ST
Ngày 29-11-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ BNỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Quang D

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lương Văn T

Bà Nguyễn Thị N

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Tạ Thị N1 – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, thành phố BNội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố BNội tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố BNội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. ĐỒNG VĂN L2** - sinh năm 1989 tại Bắc Ninh; HKTT và chỗ ở: Xóm Chinh, Lũng Giang, thị trấn Lim, huyện T4, tỉnh Bắc Ninh; văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Đồng Văn L3 và bà: Nguyễn Thị T3; TATS: Theo danh chỉ bản số 194 L2 ngày 26-6-2018 của Công an huyện G và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo có 03 tiền án: Bản án số 134/HSST ngày 30/7/2013, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 20.000.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2013, bị án ra trại ngày 05/6/2014; bản án số 98/HSST ngày 16/6/2015, TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử 18 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản ( trị giá tài sản 20.000.000 đồng); bản án số 180/HSST ngày 28/7/2015, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản ( trị giá tài sản 8.000.000 đồng). Tổng hợp bản án số 98/HSST ngày 16/6/2015 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2015, ra trại 26-8-2017.

Bị cáo bị bắt ngày 20-3-2018; hiện đang chấp hành án Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

**2. NGUYỄN ĐỨC H1** - sinh năm 1990 tại Bắc Ninh; HKTT và chỗ ở: Hoài Trung, Liên Bão, huyện T4, tỉnh Bắc Ninh; văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Đức Vượng (chết) và bà: Nguyễn Thị Nhung; vợ: Nguyễn Thị Huyền Trang (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2011; TATS: Theo danh chỉ bản số 193 L2 ngày 16-3-2018 của Công an huyện G và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo có 02 tiền án: Bản án số 98/HSST ngày 16/6/2015, TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử 18 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 20.000.000 đồng); bản án số 180/HSST ngày 28/7/2015, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 8.000.000 đồng), tổng hợp bản án số 98/HSST ngày 16/6/2015 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2015, ra trại ngày 24-01-2017.

Bị cáo bị bắt ngày 16-3-2018, hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*- Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị K – sinh năm 1974; trú tại: Thôn 2, F, G, BNội; vắng mặt.

2. Chị Phạm Việt B– sinh năm 1973; trú tại: Khu phố Mới, Trang Hạ, thị xã S, Bắc Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 09-3-2018, L2 điều khiển xe máy Exciter màu trắng đeo biển số giả 0903 chở H1 đi từ khu công nghiệp T4, Bắc Ninh đến F, G, BNội với mục đích lợi dụng sơ hở của người đi đường để cướp giật tài sản. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H1 và L2 thấy chị Nguyễn Thị K đi xe máy một mình. H1 nói với L2:*"Trên cổ chị phụ nữ kia có đeo dây chuyền"*. Thấy vậy, L2 lái xe áp sát đi cùng chiều với xe của chị K. L2 dùng tay phải giật chiếc dây chuyền đang đeo trên cổ làm sợi dây chuyền bị đứt làm hai vướng ở áo của chị K, mặt dây chuyền rơi xuống đường nên L2 chưa lấy được. Sau khi bị L2 giật tài sản, chị K bị ngã ra đường nH1 không bị thương tích gì, xe máy do L2 điều khiển va vào xe máy của chị K làm L2 lái xe loạng choạng đánh bị rơi 01 chiếc dép (loại dép sục màu ghi) ở lại hiện trường. Sau đó, L2 phóng xe bỏ chạy.

Ngoài ra, H1 và L2 còn khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 14-3-2018, H1 điều khiển xe máy Exciter màu trắng đen nH1 thay biển kiểm soát khác là 29T4-7742 chở L2 đi đến khu vực Dốc Lã, Yên Viên, G, BNội với mục đích lợi dụng sơ hở của người đi đường để cướp giật tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai gặp chị Phạm Việt B đi xe máy một mình, để túi xách treo ở giữa khung xe.

H1 điều khiển xe áp sát bên tay trái người phụ nữ đi cùng chiều, L2 ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách. Sau đó, H1 lái xe bỏ chạy đi được khoảng 5km thì H1 dừng xe để L2 kiểm tra bên trong túi xách mầu nâu có số tiền 1.300.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng và 1 số giấy tờ tùy thân. L2 đưa cho H1 500.000 đồng còn điện thoại L2 cầm để đâu L2 không nhớ, giấy tờ tùy thân và túi xách L2 vứt ở đâu không nhớ nên không thu giữ được vật chứng. Số tiền cướp giật được L2 và H1 chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30 ngày 16-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu hồng có giá trị: 6.000.000 đồng; 01 túi xách giả da có quai xách tay màu nâu, kích thước 25x35cm, đã qua sử dụng có giá trị: 0 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 31 ngày 16-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có trọng lượng là 11,18gr, hàm lượng vàng là 75,05% có giá trị: 8.100.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có trọng lượng là 11,54gr, hàm lượng vàng là 75,09% có giá trị: 8.300.000 đồng; 01 mặt dây chuyền hình nốt nhạc bằng kim loại màu vàng có đính đá nhỏ màu trắng, có trọng lượng là 9,59gr, hàm lượng vàng là 75,07% có giá trị: 7.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 130/CT-VKS ngày 31-10-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Đồng Văn L2 về tội: *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và truy tố Nguyễn Đức H1 về tội: *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Đồng Văn L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội:*"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Đức H1 về tội:*"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56, Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Đồng Văn L2.

+ Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56, Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức H1.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo Đồng Văn L2 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo L2 phải chấp hành 57 tháng tù theo bản án số: 249/2018/HSST ngày 27-9-2018 của TAND quận Long Biên, TP.BNội; 04 năm 06 tháng tù theo bản án số: 283/2018/HSST ngày 28-9-2018 của TAND X, tỉnh Bắc Ninh và 12 năm tù theo bản án số: 236/2018/HSST ngày 08-10-2018 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án, buộc bị cáo L2 phải chấp hành từ 28 năm 03 tháng tù đến 28 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2018.

+ Bị cáo Nguyễn Đức H1 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo H1 phải chấp hành 45 tháng tù theo bản án số: 249/2018/HSST ngày 27-9-2018 của TAND quận Long Biên, TP.BNội; 04 năm tù theo bản án số: 283/2018/HSST ngày 28-9-2018 của TAND TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và 10 năm 10 tháng tù theo bản án số: 236/2018/HSST ngày 08-10-2018 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án, buộc bị cáo H1 phải chấp hành từ 24 năm 07 tháng tù đến 25 năm 01 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

- Về dân sự: Không

- Về hình phạt bổ sung: Không

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép sục màu ghi của L2 và 01 đôi dép quai hậu màu đen của H1. Đề nghị buộc mỗi bị cáo phải truy nộp để sung công quỹ NBnước số tiền 3.650.000 đồng.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1 tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của VKSND huyện G đã truy tố. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

+ Khoảng 12 giờ ngày 09-3-2018, tại khu vực đường đi vào F, G, BNội, các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1 đã có hành vi dùng xe mô tô để cướp giật tài sản gồm 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng kèm mặt dây chuyền hình nốt nhạc bằng kim loại màu vàng có đính đá nhỏ màu trắng có giá trị: 23.400.000 đồng của chị Nguyễn Thị K.

+ Khoảng 12 giờ ngày 14-3-2018, tại khu vực đường Dốc Lã, Yên Viên, G, BNội, các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1 đã có hành vi dùng xe mô tô để cướp giật tài sản gồm 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu hồng có giá trị: 6.000.000 đồng; 01 túi xách giả da có quai xách tay màu nâu, kích thước 25x35 cm, đã qua sử dụng có giá trị: 0 đồng và số tiền 1.300.000 đồng tiền Việt Nam của chị Phạm Việt Hà. Tổng giá trị là: 7.300.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản L2 và H1 chiếm đoạt là: 30.700.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Văn H1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội:**"Cướp giật tài sản"**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của BLHS. Các bị cáo điều khiển xe máy áp sát để cướp giật tài sản của bị hại là thủ đoạn nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của BLHS.

[4] Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, H1 là kẻ chủ mưu và thực hành còn L2 là kẻ thực hành tích cực.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được BLHS bảo vệ. Các bị cáo còn dùng thủ đoạn điều khiển xe máy cướp giật tài sản người đang lưu thông trên đường có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[7] Về tình tiết tăng nặng:

+ Đối với bị cáo Đồng Văn L2: Nhân thân có 03 tiền án: Bản án số 134/HSST ngày 30-7-2013, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 20.000.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 05-7-2013, bị án ra trại ngày 05-6-2014; bản án số 98/HSST ngày 16-6-2015, TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử 18 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị

giá tài sản 20.000.000 đồng); bản án số 180/HSST ngày 28-7-2015, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 8.000.000 đồng), tổng hợp bản án số 98/HSST ngày 16-6-2015 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-3-2015, ra trại 26-8-2017. Các tiền án trên của bị cáo chưa được xóa nên bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo L2 theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 171 của BLHS là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Và không xem xét áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 của BLHS đối với bị cáo là có căn cứ.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đức H1: Nhân thân có 02 tiền án: Bản án số 98/HSST ngày 16-6-2015, TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử 18 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 20.000.000 đồng); bản án số 180/HSST ngày 28-7-2015, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 8.000.000 đồng), tổng hợp bản án số 98/HSST ngày 16-6-2015 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-3-2015, ra trại ngày 24-01-2017. Các tiền án trên của bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

+ Bên cạnh đó, trong 02 ngày, các bị cáo đã thực hiện 02 hành vi cướp giật tài sản của chị K và chị Blà tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[9] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tù nghiêm khắc trong khung hình phạt nhằm cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[10] Đáng lưu ý, trong một thời gian ngắn, các bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi Cướp giật tài sản trên các địa bàn thị xã S, huyện T4, thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh và quận Long Biên - TP.BNội. Các bị cáo đã bị các Tòa án lần lượt đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

+ Bản án số: 101/2018/HSST ngày 20-6-2018, TAND huyện T4, tỉnh Bắc Ninh xử phạt H1 10 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 16-3-2018;

+ Bản án số: 142/2018/HSST ngày 30-8-2018, TAND huyện T4, tỉnh Bắc Ninh xử phạt L2 60 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt H1 60 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản, tổng hợp hình phạt 10 tháng tù của bản án số: 101/2018/HSST ngày 20-6-2018, buộc H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án 70 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16-3-2018;

+ Bản án số: 249/2018/HSST ngày 27-9-2018, TAND quận Long Biên, TP.BNội xử phạt L2 57 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt H1 45 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

+ Bản án số: 283/2018/HSST ngày 28-9-2018, TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt L2 04 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án; xử phạt H1 04 năm tù về tội: Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án;

+ Bản án số: 236/2018/HSST ngày 08-10-2018, TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt L2 07 năm tù về tội: Cướp giật tài sản, tổng hợp với mức án 05 năm tù của bản án số: 142/2018/HSST ngày 30-8-2018 của TAND huyện T4, tỉnh Bắc Ninh, buộc L2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20-3-2018; xử phạt H1 05 năm tù về tội: Cướp giật tài sản, tổng hợp với mức án 05 năm 10 tháng tù của bản án số: 142/2018/HSST ngày 30-8-2018 của TAND huyện T4, tỉnh Bắc Ninh, buộc H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 10 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16-3-2018.

Các bản án trên đều đã có hiệu lực pháp luật thi hành nên các bị cáo còn phải chịu tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại Điều 56 của BLHS là có căn cứ. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, HĐXX cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo vì các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã nhận định ở trên.

[11] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của các bị cáo, về mức hình phạt, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[13] Chị Nguyễn Thị K là bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết. Tại cơ quan điều tra, chị

Phạm Việt Blà bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi tK thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[14] Thu giữ của bị cáo L2 một chiếc dép sục màu ghi, thu giữ của bị cáo H1 01 đôi dép quai hậu màu đen nhãn hiệu Bitis không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa, các bị cáo không yêu cầu lấy lại. Vì vậy, cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[15] Số tiền 1.300.000 đồng và 6.000.000 đồng trị giá chiếc điện thoại di động Iphone 6S plus chị Phạm Việt Bkhông yêu cầu bồi tK thiệt hại, các bị cáo đã thu lời bất chính nên cần buộc các bị cáo phải truy nộp để sung công quỹ NBnước (mỗi bị cáo phải truy nộp 1/2 = 3.650.000 đồng) là có căn cứ.

[16] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự và về xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về án phí:

[17] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban tK vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[18] Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đồng Văn L2 07 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản. Buộc bị cáo L2 phải chấp hành 57 tháng tù theo bản án số: 249/2018/HSST ngày 27-9-2018 của TAND quận Long Biên, thành phố BNội; 04 năm 06 tháng tù theo bản án số: 283/2018/HSST ngày 28-9-2018 của TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và 12 năm tù theo bản án số: 236/2018/HSST ngày 08-10-2018 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh đã có hiệu lực pháp luật. Tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án, buộc bị cáo L2 phải chấp hành 28 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20-3-2018.

**2.** Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H1 06 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản. Buộc bị cáo H1 phải chấp hành 45 tháng tù theo bản án số: 249/2018/HSST ngày 27-9-2018 của TAND quận Long Biên, thành phố BNội; 04 năm tù theo bản án số: 283/2018/HSST ngày 28-9-2018 của TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc

Ninh và 10 năm 10 tháng tù theo bản án số: 236/2018/HSST ngày 08-10-2018 của TAND thị xã S, tỉnh Bắc Ninh đã có hiệu lực pháp luật. Tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án, buộc bị cáo H1 phải chấp hành 25 năm 01 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-3-2018.

**3.** Về hình phạt bổ sung: Không

**4.** Về trách nhiệm dân sự: Không

**5.** Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép sục màu ghi và 01 đôi dép quai hậu màu đen nhãn hiệu Bitis *(Hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-11-2018).*

+ Buộc các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1, mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền 3.650.000 đồng để sung công quỹ NBnước.

**6.** Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đồng Văn L2 và Nguyễn Đức H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

**7.** Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
*-Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác*
*-VKS nhân dân huyện G*
*-Công an huyện G*
*-Chi cục THADS huyện G*
*-TAND thành phố BNội.*
*-Sở tư pháp thành phố BNội.*
*-Lưu*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang D**